

Số: 05/2025/QĐST-HNGĐ

Thanh Sơn, ngày 15 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 149/2024/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc: Ly hôn, con chung. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hà Thị N**, sinh năm 1998.

HKTT: Khu E, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Xóm B, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông **Bùi Đức D** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P.

Bị đơn: Anh **Lê Văn H**, sinh năm 1996.

HKTT: Khu E, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Hà Thị N và anh Lê Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Hà Thị N và anh Lê Văn H đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Hoài N1, sinh ngày 30/8/2017. Hiện nay cháu N1 đang ở cùng với anh H tại xã Y, huyện T. Ly hôn chị N và anh H thống nhất, thỏa thuận với nhau về việc nuôi con chung như sau: Anh H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Hoài N1, kể từ tháng 01 năm 2025 cho đến khi con chung thành niên. Anh H tự nguyện không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, tư trang riêng: Chị Hà Thị N và anh Lê Văn H đều xác định vợ chồng không có, ly hôn anh chị đều không có đề nghị gì.

Về án phí: Chị Hà Thị N là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Lê Văn H phải nộp số tiền 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

"Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã Yên Lương;
- Lưu HS - VP.

Thẩm phán

Đào Thị Anh Ninh

